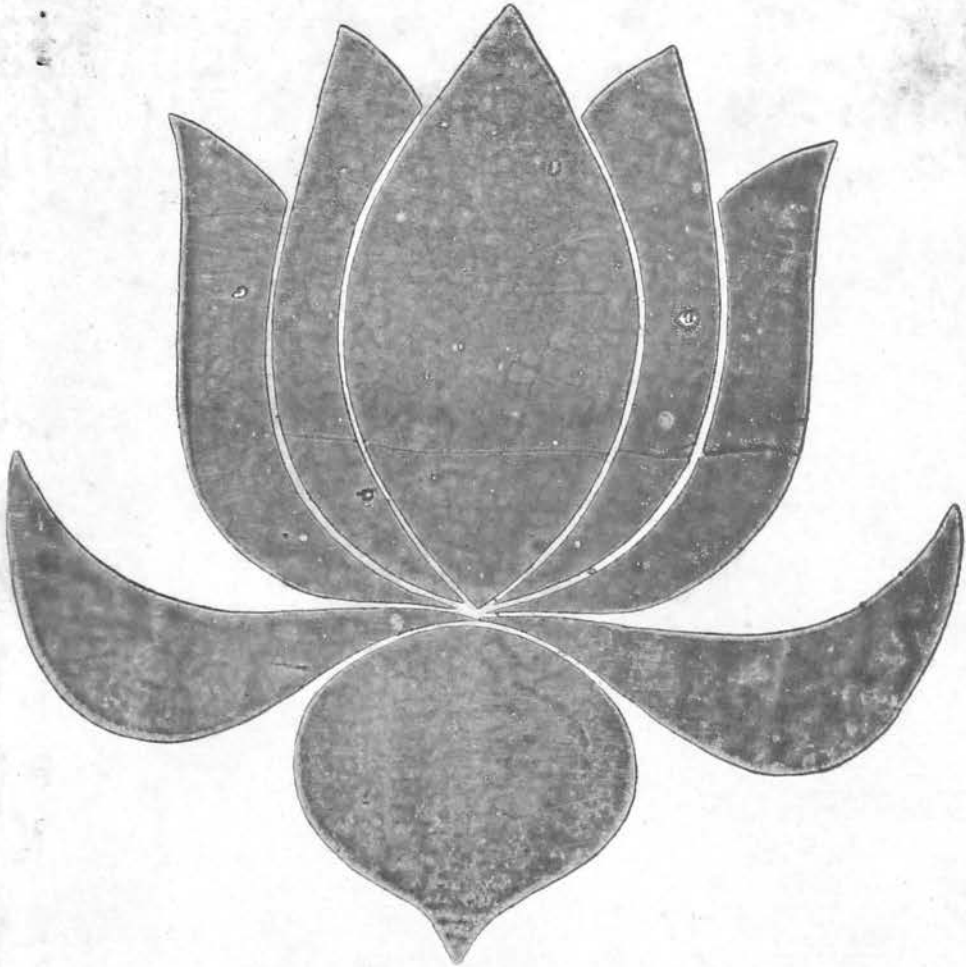


LIÊN HOA

— VẤN TẬP —



LIÊN - HOA TÙNG - THU'

— XUẤT BẢN —

THÁNG BẢY NĂM ẤT - MÙI

PHẬT - LỊCH 2518

LIÊN HOA
VĂN TẬP

TÌM HẠNH PHÚC

Người đời không một ai là không tìm hạnh phúc, nhưng hạnh phúc ở đâu? tìm bằng cách nào? Đó là một vấn đề mà toàn thể nhân loại đều phải đề ý.

1) **Tìm ở vật chất.**— Đây là một giải pháp của khoa-học hiện đại. Khoa-học càng bành trướng bao nhiêu, loài người càng xu hướng bấy nhiêu. Khoa-học thịnh hành cho đến nỗi người ta đã phát-mình được cách sanh người bằng phương pháp khoa-học. Do sự phát-mình ấy mà các nhà khoa - học quan - niệm rằng : hạnh - phúc của loài người quyết định bởi vật chất, chứ không phải ở nội tâm. Nhưng rốt cuộc loài người của khoa-học tạo ra, chỉ là bộ máy không hồn, thiếu bộ phận rất quan trọng là Trí-giác.

11) **Tìm ở tinh thần** — Thời đại quá khứ cách vài ba thế - kỷ trước, từ Âu sang Á, loài người xu hướng lối sống tinh thần, sống một lối sống mơ màng, thiếu phần thực tế, nhiều thi-sĩ đến nỗi si-cuồng, lại có người kiêu - ngạo khinh rẻ đời sống thực tại, mà sống một đời đầy mơ mộng.

Theo lời Phật dạy 2 lối sống như trên đều bị bệnh thiên-chấp cực-đoan, mất đời sống thăng bằng, vì mỗi phái chấp chặt một kỷ kiến riêng của mình nên thành trệ ngại.

Nay ta thử xét, vật chất có làm cho người đạt được hạnh phúc hoàn toàn không? Đây là câu hỏi mà tôi đã từng gạn một Bác - sĩ khi gặp ở Nam - Việt. Ông trả lời : Giới Bác-vật trí-thức chúng tôi chỉ tự nhận là học trò của trường vũ-trụ.

Chúng tôi chỉ tìm ở thực tế những điều gì có thể lợi cho nhân loại thì làm. Thí dụ: nhưn loại có bệnh phung chưa có thuốc chữa, thì phận sự chúng tôi phải nghiên cứu thôi. Còn vật chất có thể đem lại hạnh phúc hoàn toàn cho nhưn loại được không, điều đó giới Bác-vật chúng tôi không dám chắc. Phương chi trên đường nghiên-cứu, chúng tôi còn gặp rất nhiều điểm khó hiểu. Ví dụ: Đồng thời 2 bệnh nhưn bị bệnh một lần, sức lực, hoàn cảnh và lối điều trị in nhau. Vậy mà một người lành một người chết. Đứng về phương - diện thực tế mà xét, ngoài các vật chất thấy được nghe được còn nhiều điều kiện có thể gọi là bí mật, không thấy, nghe và hiểu được, nên đến đây, giới chúng tôi phải nhường lại cho các nhà Tôn-giáo tu-hành, có lẽ giải-quyết được rõ ràng hơn về điểm siêu - hình này vậy.

Một nhà triệu - phú ở Mỹ vì quá đầy đủ vật chất, sanh ra bệnh chán đời, chỉ muốn tìm một chỗ ẩn dật an thân, sống lại đời sống tự nhiên của kẻ bình - dân, chớ không muốn làm nhà triệu-phú nữa.

Với những chứng cứ trên cho ta biết vật chất đầy đủ không phải là hạnh phúc hoàn toàn, mà đời sống tinh thần, như sống một lối sống mơ mộng, chán đời, huyền ảo, đã nói trên, thì cũng không phải hoàn toàn hạnh phúc của nhưn loại.

Theo lời Phật dạy đời sống chúng ta vẫn quan-hệ giữa hai phần là **thân** và **tâm**, cả hai phần đều phải sống, không thể bỏ **thân** mà sống với **tâm** mà cũng không thể bỏ **tâm** chỉ sống với **thân**, vì cả hai phần là một, mà một cũng tức là hai, thí dụ như sóng và nước , thân, tâm, tinh thần, vật chất đều cũng như thế.

Nguyên bản-thể của loài người là không hai, không một, vậy nay đã vọng chấp mà chia thành hai, rồi nhưn đó chia bè,

ré Đẳng. Chấp tâm khác, thân khác, đã chấp là khác, nên thân làm cho tâm khở, rồi tâm làm cho thân khở, hai phái tinh thần vật chất, do đó mà phân chia.

Nay muốn tìm hạnh phúc cho một người cũng như cho tất cả loài người, chúng ta hãy sáng suốt dung hoà cả hai cá thể. Nếu thân đói cho thân ăn, mệt cho thân ngủ; song đừng cho thân quá si-mê một cảnh nào quá đáng. Ngủ quá giờ phải bắt thức dậy, ăn vừa no, đừng cho ăn tức bụng, đừng ăn quá sang trọng, nhưng cũng đừng quá kham-khở. Nói tóm, là nên chiết trung lại cho vừa phải.

Tâm cũng vậy, giữ điều độ không cho si mê theo cảnh quá đáng; gặp sướng khở, vui buồn, đều phải bình tâm; bình tâm mà không đắm-đuối; tinh-tấn mà không bôn-ba, mềm-dẻo mà không ủy-mị; vui cũng không quá vui; buồn cũng không quá buồn; ngự ý-thức như người cầm lái xe, không mau không chậm, nên để tránh tai-họa gặp trên đường đời. Tâm-hồn đã không mê-muội thì được sáng-suốt; sáng-suốt mới nhận chân sự thật trong tất cả mọi trường hợp?

Nói đến đây chắc có người bảo: lối sống như thế đâu có phải hạnh-phúc của loài người, vì tinh-thần không biết rung-cảm đâu phải là nguồn sinh-lực của nhân-loại?

Vâng tinh-thần rung-cảm dễ rồi bị tê-liệt; rung-cảm ấy chỉ nhất thời, đâu phải là hạnh-phúc vĩnh-viễn? Nếu vui dễ rồi buồn, vui ấy đâu phải trường-tồn. Cũng như vui-sướng khi sum-hiệp thì khi chia-ly phải buồn. Cho nên đừng vui quá độ, nên không bị buồn quá độ. Nếu biết vinh thì phải có nhục, nên khi vinh, vẫn giữ tâm bình-tĩnh, khi nhục, tâm cũng thản-nhiên. Đây là phương-pháp diệt khở, phương-pháp tìm hạnh-phúc của người học Phật. Phương-pháp này nếu ta áp-dụng vào đời sống sẽ thấy trọn đời tuy không vui chi lắm mà trọn đời không bị

khô nảo. Sống theo lối vui thanh-thoát này, không mê-lắm, vui một cách nhẹ-nhàn, của tâm yên-tĩnh, sáng-suốt tự-tại.

Hỏi những ai còn say theo hoàn-cảnh, hãy gắng trở về với trí-giác thanh-tịnh mà tìm hạnh - phúc. Hạnh-phúc này được trường-tồn, bất sanh, bất diệt, lại được tự-chủ không bị hoàn-cảnh kéo-lối, không nô-lệ cho bất kỳ một người, một cảnh nào, mà được tự-tại giải-thoát. Sau khi được giải-thoát tâm-trí thì xem đời chỉ là đám mây nổi, chỉ là bọt nước, chỉ là sương mai, sống không sợ chết, nên được sống một đời an-lành. Đến khi chết nở một nụ cười vui tươi, mà không có gì hối-tiếc. Vì biết thân là một vật giả tạm, nên khi hết nhơn duyên thì thân tan rã, không tham tiếc thân vô thường này, nên dùng nó mà làm ích cho nhơn loại, làm cho đến hơi thở cuối cùng, nhưng vẫn không cần hưởng quả.

Vì biết Tâm là một bản thể bất - sanh bất - diệt, vì tự mình đi xa bản thể nên thành sanh diệt, duyên các vọng duyên mà tạo muôn ngàn tội-lỗi. Nay trở về với bản-thể thanh-tịnh, nên xem trở lại các tâm sanh diệt, vui buồn kia chỉ như bóng trong gương, thoát hiện, thoát mất, có gì đáng cho ta quý !

Người Phật-tử sau khi tìm được hạnh - phúc cao - quý là bản-thể của tự tâm rồi, thì đối với hoàn - cảnh, thân tâm đều thấy tự - tại, vô ngại. Vì tự - tại, vô-ngại nên không còn có ngã, có nhơn, có thân sợ, mà xem mọi người như một. Thông-cảm được hạnh-phúc của người tức là của mình, nên sanh lòng bi-mẫn đối với mọi người, mọi vật. Lòng từ vô-lượng chỉ muốn mọi loài đều được an - vui, vì muốn tất cả đều được an - vui, nên hùng - dũng vận bi trí theo dõi muôn người dắt - dìu vẫn không mệt, không phiền và không bao giờ biết chán.

D. K.

PHẬT - GIÁO

với nhân - sinh hiện - đại

« **Di thực vi tiên** » câu nói tuy nôm-na, có tánh cách hèn mọn nữa, nhưng nó diễn hình được cho một số đông người hiện đại đang chủ-trương : « Kinh-tế là then-chốt duy nhất của đời sống con người ». Họ quan-niệm rằng sử-dĩ con người còn chém giết, bóc-lột nhau, chẳng qua vì thiếu thốn cơm ăn, áo mặc. Điều đó cũng có đúng một phần, nhưng chưa hoàn toàn hẳn. Một bằng chứng cụ-thể, như các nước phát-xít Đức, Ý, Nhật thuở trước chưa chắc hẳn họ đã nghèo-nàn thiếu thốn, vì nếu kinh-tế eo hẹp, thiếu hụt, thì làm sao các nước ấy có thể đủ điều kiện khí-giói hùng mạnh, và nuôi mộng làm bá-chủ hoàn cầu, làm rung động khắp nhân-loại năm châu đến thế ?

Xác đáng hơn, hành động bạo-tàn, đi xâm-lăng các nước quốc của họ, chẳng qua động-cơ chính gây nên là do lòng tham vọng. Tại sao lòng tham lại là động-lực chính gây nên chiến-tranh ? Vì lòng tham có công-năng làm mù-quáng tâm-hồn con người trước lẽ phải. Bắt tay vào việc làm dù lớn hay nhỏ, vì tham nên ai cũng muốn có lợi nhiều hơn kẻ khác. Từ những cuộc cãi-vã nho nhỏ, đánh lộn của các em bé trong gia-đình khi giành-giữt nhau một món đồ chơi hay gói quà cha mẹ cho, rồi đến những cuộc xô-xát ẩu-đả nhau vì tham giành quyền lợi, danh-vị giữa các người lớn trong làng xã, dẫn lần đến những

cuộc tàn-sát bạo-tàn giữa các cường quốc, cũng không ngoài ý muốn đề đầu tham-chiếm những thị-trường béo-mỡ của các nước bé nhỏ vậy. Lại nữa, giữa xã-hội, chúng ta thường thấy cũng không thiếu người, khi chưa có danh-vọng, địa-vị gì thì lời nói của họ lúc nào cũng sặc mùi đạo-đức, nhân-nghĩa, hứa giúp kẻ này, người khác, cúng hội này, hội kia ; nhưng khi đã có địa-vị cao sang rồi thì ỏi-thôi dường như họ quên tất cả, chỉ lo củng-cố địa-vị làm giàu, ít ai còn nhớ để thực-hiện đúng lời nói lúc ban đầu. Lòng tham bao giờ cũng tăng theo tỷ-lệ thuận với quyền lợi, địa-vị của con người vậy.

Lại có kẻ chủ-trương rằng sở-dĩ con người đau khổ thiếu hạnh-phúc, cũng chỉ vì nền kinh-tế khủng-hoảng, nói một cách khác là vì thiếu những nhu-cầu vật-chất. Muốn cứu cho người hết khổ, họ quan-niệm chỉ có một cách thiết-thực nhất là làm thế nào tổ-chức xã-hội hoàn-bị để tất cả mọi người đều được ấm-áo, no-cơm là được. Đành rằng, con người muốn sống còn, tất phải ăn - mặc. Nhưng nếu đời sống con người chỉ có chừng ấy thì có khác gì đời sống của các thú - vật, vì chúng cũng cần phải ăn để sống như người vậy. Quan-niệm như thế, đời sống người chỉ cần vật - chất. Tức là chúng ta mới nhắm về một cạnh-khía của cuộc sống mà nói chứ chưa hẳn rất - ráo. Tại sao ? Ví dù muốn hay không, tất cả ai cũng phải công-nhận rằng đời sống con người đầy đủ, tức gồm hai phần : **vật - chất** và **tinh - thần**. Chính nhờ phương-diện tinh-thần (tư-tưởng) mà loài người đã vượt hẳn cầm - thú, trở thành một nhân - vật tối linh trong vũ - trụ. Pascal, nhà tư-tưởng Pháp đã nói : « Người là một cây sậy yếu-hèn nhất trong vũ-trụ, nhưng là một cây sậy có tư-tưởng, và chính nhờ tư-tưởng mà con người nâng cao giá-trị của mình lên ». Hơn nữa, con người là thiếu cơm ăn, áo mặc (vật-chất), tức nhiên phải đói khổ, chết. Nhưng chúng ta thử hỏi một khi

linh - thần con người khủng - hoảng, tức - bực họ có thể sống được không? Ta có thể nói dứt khoát rằng trăm lần không. Một bằng chứng cụ thể là ta thường thấy giữa xã-hội có biết bao nhiêu người đầy đủ áo cơm vẫn hóa điên-dại, loạn-cuồng, một khi tư-tưởng họ quẩn-bách. Biết bao thanh-niên, thiếu-nữ tuấn-tú, giàu sang đã từng gieo mình xuống giòng nước biển, không một lời than, bao kẻ tự treo cổ lên xà nhà, đâm sầm vào xe ô-tô, hoặc kết thúc đời mình bằng một viên đạn, một nhát dao găm đâm máu, vì duyên tình trắc-trở, hoặc sau vài phút ghen-tuông bùng-bột, thiếu suy-nghĩ.

Một bằng chứng thứ hai, nếu nói người ta sống chỉ cần nhờ vật-chất không thì ở các nước dân-chủ, dân chúng lại đòi hỏi quyền tự-do ngôn-luận, tự-do tín-ngưỡng làm gì? Ngôn-luận tức là bàn-luận bằng lời nói, biểu hiện trên giấy tờ, sách báo, cốt để diễn-tả tư- tưởng thuộc đời sống của con người. Quyền tự do tín-ngưỡng, nghĩa là người dân ai muốn theo đạo nào thì theo, chính - phủ không có quyền ép buộc, kềm-chế. Vì hầu hết ai cũng hiểu rằng món ăn linh-thần, con người không thể tìm đâu ra ngoài tôn-giáo được.

Từ trước đến nay, bao cuộc cách-mạng đã nổ-bùng trên thế-giới, bao dân-tộc bị-trị đã chồm dậy chống trả với các đế-quốc thực-dân, không những chỉ vì vấn-đề áo cơm mà thôi; mà còn muốn được sống cuộc đời tự-do, ăn to nói lớn, phát-triển mọi ý-kiến, tư-tưởng (linh-thần) của họ nữa.

Vả lại, đời sống con người ngày hai buổi chả lại lo chuyện ăn-mặc không ư? Ồ! như thế thì lạc-hậu, vô-vị quá! Đời sống linh-thần bao giờ cũng giúp ích cho người ta dễ-dàng tiến-bộ, thành công trên mọi việc. Một đạo quân xông-pha trận-địa, mặc dầu đầy đủ lương-thực, súng-ống lỏi-tàn, nhưng nếu đạo quân ấy thiếu linh-thần chiến-đấu, dũng-cảm, tất nhiên phải thất bại.

Một học-sinh con nhà giàu, sống trên nhung lụa đầy đủ vật-chất, nhưng thiếu tinh-thần học-tập, biếng-nhác, thử hỏi người học-sinh đó có thể thu được kết quả gì trong sự học chẳng? Rộng ra đến xã-hội, nếu mọi người, tất cả đều quá thiên-trọng vật-chất, ai cũng chỉ biết cho mình được đầy đủ ấm-nó, sung-sướng mà thiếu tinh-thần tương-trợ, giúp đỡ nhau, thử hỏi một xã-hội như thế có bao giờ tiến-bộ được chẳng, nếu không, là đi đến chỗ suy-vong thối-hóa!

Qua những nhận xét lợi hại trên, ta đủ rõ, thân-thể ta cần được nuôi dưỡng bởi vật-chất bao nhiêu, thì tâm-hồn, trí óc ta, cần món ăn tinh-thần bấy nhiêu.

Món ăn tinh-thần, chúng ta sẽ tìm thấy rất nhiều nơi các tôn-giáo hoặc các khoa-học. Nhưng đứng trước tình-thế hiện-tại, nền hòa-bình đang bị đe-dọa, chúng ta nói riêng dân-tộc Việt-Nam — biết tìm món ăn ấy ở nơi đâu, có thể hàn gắn vết thương lòng sau tám năm đau đớn vì chiến-tranh, vừa là con đường có thể hướng-dẫn chúng ta đến cảnh đầy an-vui bất-diệt ở ngày mai?

Tại sao hiện tại chúng ta không thể tin-trưởng vào khoa-học có thể đem lại hòa-bình hạnh-phúc cho nhân-loại được nữa? Không nói chắc ai cũng rõ, mấy thế-kỷ gần đây, khoa-học đã tiến một bước khá dài trên đường văn-minh, nhưng thử hỏi đã đem lại cho loài người những gì? Hòa-bình, hạnh-phúc ư? Nào đâu đã thấy! Thật vậy, tiếng nổ hải-hùng của bom nguyên-tử ở Hiroshima (Nhật-Bản), và bao tiếng rên-siết của hàng triệu dân Nhật còn văng vẳng đâu đây, khiếp-đảm, rùng-rợn quá!

Gần hơn, khoa-học hiện-tại đâu có thể hàn gắn được vết thương lòng, với nạn được những giông lệ chia ly trên khoé mắt

người chinh-phụ, hoặc an-ủi vô-về được bao tâm-hồn cô-nhi, quả-phụ Việt-Nam hiện-tại, trước cảnh chia đôi sơn-hà !

Thật ra, khoa-học chỉ có thể dựa vào hiện-tượng để phân-tích, nghiên-cứu sự thật của mọi vật, giúp vào sự phát-minh, nhưng những sự phát-minh này chỉ hữu ích khi được đạo-tâm hướng-dẫn. Nếu không, chỉ sẽ đưa nhân-loại vào con đường diệt vong mà thôi. Vậy cuối cùng ngoài tôn-giáo, chúng ta không thể tin-tưởng vào đâu được nữa.

Đề cập đến tôn-giáo, trên đường mưu-cầu chân hòa-bình, an-lạc, chúng ta — một dân tộc thuộc Á-châu — không thể bỏ quên Phật-giáo. Vàng, chỉ có Phật-giáo, mới có thể hàn-gắn, cung-cấp một cách thỏa-mãn về tư-tưởng, tinh-thần cho toàn-thể dân Việt-Nam hiện-đại, cũng như tất cả nhân-loại trên thế-giới.

Phật-giáo, rõ thật là đạo của hòa-bình.

Qua giới « không được sát hại sinh vật » của Phật dạy, đủ chứng-minh cho chúng ta rõ điều đó.

Lại nữa, trên lịch-sử truyền đạo của Phật-giáo, chưa có trang nào đã nhuộm máu vậy. Và đứng trên lập-trường tiến-triển của khoa-học, Phật-giáo lại rất phù-hợp. Cả thế ông William Butcher một giáo-sư thạc-sĩ Mỹ đã đồng ý và khuyến-khích chúng ta : « Khoa-học hiện nay đã dự phần lớn vào đời sống của chúng ta, nhưng sự tiến-bộ của khoa-học chưa thể đem lại hòa-bình, hạnh-phúc cho nhân-loại, nếu những nhà khoa-học còn ý-tưởng đem khoa-học phụng-sự tham-vọng của một vài dân-tộc ưu-thế trên thế-giới. Kinh-nghiệm đau đớn của trận đại-chiến vừa qua đã cho chúng ta và những nhà khoa-học nhận thấy cần phải hướng về Đông-phương để học hỏi thêm những điều cao-cả trong tinh-thần từ-bi, hỷ-xã của đức

Phật, phù-hợp với những phát-minh khoa-học về phụng-sự nhân loại trên con đường tiến-hóa ».

Hơn bao giờ hết, giữa lúc chúng ta và nhân-loại đang sống trong hoà-nghi, pháp-phòng lo sợ cho trận chiến-tranh thứ ba có thể xảy ra. Trước cơn khủng-hoảng tinh-thần ấy, Phật-giáo sẽ là một phương thuốc tuyệt-diệu, có công năng hàn-gắn an-ủi tâm hồn nhân-loại hiện đang đau khổ, lo-âu.

Sở-dĩ đời sống con người đau khổ, phần lớn là do bởi những hành-động không sáng-suốt (vô-minh) của chúng ta gây ra. Phật dạy : « Si-mê là nguồn gốc của tội lỗi », thật đúng vậy. Thêm vào đó là do bởi sự thiếu lòng thương yêu (từ-bi) nhau.

Trái lại, Phật-giáo là một đạo của trí-tuệ.

Nhờ trí-tuệ soi sáng, khi bắt tay vào hành động, ta phân biệt được đâu là việc lành, đâu là việc ác, không làm càn-dở. Trên đường đi muôn nẻo của cuộc đời, ta biết đâu là đường đưa ta đến ánh sáng, đâu là nẻo hướng ta về bóng tối. Và một khi đường đi ta đã định được hướng, tức sớm chầy, ta cũng sẽ đạt đến đích.

Trước những biến-cổ của thời-đại, nhờ sự nhận xét sáng suốt, khiến ta thông hiểu được thuyết « vô thường » của Phật dạy. Do đó, chúng ta sẽ không đau buồn, chán nản, khi gặp mọi cảnh đời thay bên ngoài. Hạnh phúc giàu sang thế gian là ảo ảnh chóng tàn, một khi ta đã nhận được chân giá trị của nó, tự chủ được trước biến cảnh, nhờ đó linh thần chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy đau khổ thất vọng.

Trước cuộc sống xô-bò, phức tạp của xã-hội, hằng ngày chúng ta không khỏi gặp phải bao cảnh trái ngược, uất-ức, tai nạn bất ngờ đưa đến, khiến tinh-thần chúng ta phải thối

mắc bần-khoãn, đặt ra nhiều nghi vấn : đời là đen bạc? xấu xa, bất công chẳng? Qua thuyết « nhân-quả » — trồng nhân gì gặt quả ấy — của Phật dạy, sẽ là một phương-pháp tuyệt diệu, giúp chúng ta chứng-nhinh được « bài toán đời » nan giải ấy. Thật vậy, đời sống chúng ta tốt hay xấu thay đều do chúng ta uốn nắn lấy. Đời chẳng có gì là may rủi, hiện-trạng của xã-hội, nhất nhất đều bị chi-phối bởi định-luật nhân-quả. Nhân và quả theo nhau như bóng với hình. Một hành động tốt, kết quả sẽ tốt. Một hành-động xấu, kết quả sẽ xấu vậy. Thông hiểu được lý này, đời chúng ta đâu phải gặp nghịch cảnh gì, tâm-hồn chúng ta cũng vẫn tươi vui, chịu đựng, vì chúng ta nhận rõ, tất cả mọi điều xấu, tốt ta gặt hôm nay, đều là kết quả của những nhân ta đã trồng từ trước. Vậy đời sống chúng ta không có gì đáng phàn-nàn, trách-cứ cả. Một khi gặp kết quả xấu, ta vẫn mỉm cười, nhìn đời hứa hẹn, và vươn lên phát-triển gieo trồng những nhân tốt đẹp trong hiện-tại để được kết quả lành mạnh ở ngày mai.

Và đạo Phật cũng là đạo từ-bi. Từ-bi là lòng thương bao-la, cứu khổ đem vui cho mọi người. Từ trước đến nay, số dĩ con người sống mãi trong chiến-tranh đau khổ, ngoài tham-lam, ích-kỷ còn do bởi sự thiếu tình thương yêu giữa người và người. Trong gia-đình, anh chị em thiếu tình thương yêu nhau, sẽ dẫn gia-đình ấy đến chỗ chia rẽ, hiềm-khích, tan-rã. Người trong một nước, thiếu tinh-thần đoàn-kết, thù ghét nhau, nước ấy không thể sống còn. Rộng ra đến toàn thế-giới, nếu thế nhân-loại sẽ tiến đến chỗ cực độ tàn-sát, diệt vong.

Trái lại, chiến-tranh làm gì có, khi loài người biết thương yêu nhau.

Bao cảnh đồ máu, xương rơi làm sao còn, khi con người

biết nhận chân sự « sống » là trên tất cả. Vàng, chỉ có sự sống mới là điều tối quan-hệ của đời người.

Muốn nước Việt chúng ta (nói hẹp) và thế-giới (nói rộng), ngày mai, con người sống có trật-tự, biết thương yêu, không còn những cảnh chiến-tranh đẫm máu, người bóc lột người, chúng ta — dân tộc Việt — cũng như nhân loại năm châu không thể bỏ quên việc cải-hóa con người trong hiện tại được.

Tương lai, loài người còn hay mất, hạnh-phúc hay đau khổ, một phần lớn do thể-hệ sống hiện nay định-đoạt.

Do đó, nhân-sinh hiện-đại cần Phật-giáo như cá cần nước, người cần không-khí.

Phật-giáo là một món ăn tinh-thần độc-nhất cho những nạn nhân chiến-tranh hiện-tại, và là phương thuốc không hai duy-trì hòa-bình, cứu vãn sự sống còn thể-hệ ngày mai.

Bàn cờ quốc-tế đang xáo mạnh, nền hòa-bình đang lay-chuyển mà khẩn-cấp lắm rồi, toàn thể dân Việt và tất cả nhân-loại hãy trở về với Phật-giáo đi.

Trở về với Phật-giáo để thực hiện hòa-bình vĩnh-viễn, sống cuộc đời no cơm, ấm áo, xây-dựng và lãnh mạnh.

MINH-TRÍ-TRỰC

PHẬT-GIÁO TRONG CÔNG-CUỘC **KIẾN - TẠO HÒA - BÌNH**

Hòa-bình ! Hòa-bình ! Đây là danh-từ mà nhân-loại hằng khao-khát. Từ lâu, lắm đảng-phái, chủ-nghĩa ra đời, thấy đều nêu cao mục-dịch thực-hiện hòa-bình và đem lại hạnh-phúc cho nhân-loại.

Nhưng khổ thay ! quả Hòa-bình đâu phải như một trái cây mà trong nháy mắt là chúng ta có thể hái được. Thật vậy, bao lần trên khắp mặt báo, chúng ta thường thấy nhan - nhân những đề, nào : « Hội-nghị hòa bình thế-giới » hay « Đề đi đến hòa-bình », và còn nhiều nữa. Song lời nói thì dễ, nhưng thực hành rất khó.

Dẫu muốn hay không, trước cuộc-diện hiện-tại như hằng ngày ta nghe : những tin-tức chiến-tranh, chuẩn-bị chiến-tranh, đối-phó chiến-tranh và tin tức của các giới kỹ-nghệ đang nỗ-lực thi đua trong kỹ - thuật chiến - tranh : chúng ta phải công-nhận rằng nhân-loại sắp tiến đến chỗ cực đằm của sự tàn-sát.

Trước cảnh rùng - rợn ấy, chúng ta đoàn hậu tiến có nên ngồi khoanh tay chờ chung cùng số-mệnh chăng ? hay nên nỗ-lực chặn đứng làn sóng khắc-nghiệt ấy, đề cùng nhau mở một lối thoát chung cho toàn nhân-loại ?

Nhiệm-vụ kiến-tạo Hòa-bình là bổn-phận thiêng - liêng của tất cả mọi người trong hiện-tại.

Muốn kiến-tạo hòa-bình, lẽ dĩ-nhiên chúng ta cần phải tìm cách chấm dứt chiến-tranh. Song muốn diệt hẳn chiến-tranh, trước tiên chúng ta cần phải tìm hiểu nguồn-gốc của nó.

Nhìn lui quá-trình lịch - sử nhân - loại, chúng ta nhận thấy mầm-mống chiến-tranh đã phát-hiện ngay từ đời sống nguyên-thủy của loài người.

Thời thượng-cổ (chưa định-cư) giai-đoạn con người chuyên sống về nghề du-mục, họ đã đánh giết giành nhau vì một con mồi, vì một đám cỏ cho đàn súc vật của mình.

Thời Trung-cổ (định-cư) giai-đoạn con người chuyên sống nông-nghiệp đã biết tàn-sát nhau vì một cánh đồng phì-nhiều ; họ đã từng đem quân từ quận này sang quận khác để chinh-phục giành từng tấc đất. Và gần đây, bao cuộc chiến - tranh khồng-lồ đã xảy ra : chiến tranh thứ nhất vừa chấm dứt, nối liền ngay chiến tranh thứ hai, và hiện tại chiến-tranh thứ ba sắp khêu ngòi. Chúng ta thử hỏi tại sao có chiến-tranh ? Qua bao nhiêu nhận xét trên, nếu không phải vì tranh giành quyền lợi thì không có lý do gì xác-đáng hơn nữa. Nhưng « nguồn gốc » của chiến tranh ? Động-cơ chính của nó là lòng « *tham* », « *ích-kỷ* » và « *thiếu tình thương* ». Tại sao thế ? Vì khi lòng *tham* tăng đến cực-độ, con người mất hết tự-chủ, và luôn luôn muốn quyền lợi của kẻ khác về phần mình. Điều này, qua các cuộc chiến-tranh do các cường quốc từng đem quân đi « trồng người » chiếm thuộc địa, những thị trường béo - mỡ của các quốc-gia nhược tiểu, đủ chứng minh cho chúng ta rõ.

Vì ích kỷ, trong khi mình quá đầy đủ, giàu có lại càng thêm bóc - lột, không tưởng nghĩ đến dân nghèo, nên đã xảy ra chiến-tranh giữa hạng tư-bản và vô-sản.

Vì thiếu tình thương, nên lớp người mạnh không bao giờ thông cảm được nỗi khổ đau của kẻ yếu, do đó họ rất thản

nhiên, khi đem quân đi chà - đạp, dày - xéo đặt nền thống - trị. Nhưng phàm đã đem quân đi chinh-phục nước người, tất nhiên sớm chầy cũng bị họ trời dậy chống lại để tự-vệ, và có thể chiến-tranh mới xảy ra.

Như trên chúng ta đã rõ : « Muốn kiến tạo hòa-bình, cần phải tìm phương-pháp chấm dứt chiến-tranh ». Nhưng nguồn-gốc chiến-tranh đã tìm thấy là : lòng tham, ích-kỷ và thiếu tình thương. Đến đây, muốn diệt hẳn cội rễ chiến-tranh ta hãy đề cập đến vấn-đề « Phật-giáo trong công cuộc kiến-tạo hòa-bình ». Hòa-bình ở đây không có nghĩa và nhất thời suông trên giấy mực. Hòa-bình ở đây sẽ xây-dựng trên nền tảng « lợi tha » và « từ-bi » của Phật-giáo. Muốn diệt được lòng tham-lam ích-kỷ, không gì hơn chúng ta hãy cố gắng thực hành hạnh « lợi tha » của Phật-giáo. Trong hoàn cảnh nào, chúng ta cũng luôn biết « vừa đủ » và nghĩ đến mọi kẻ khổ sống xung quanh mình để san-sẻ giúp-đỡ nhau. Thật vậy Aristote đã nói : « Tạo-hoá sinh ra nhân-loại là để sống và giúp-đỡ cho nhau ». Thực-hiện được tinh-thần lợi tha, thì lòng tham cá nhân mình cũng khó lòng tăng-trưởng. Và muốn khỏi thiếu tình thương, chúng ta nên noi theo gương « từ-bi » của đức Phật. Chúng ta luôn luôn thông-cảm nỗi thống-khờ của kẻ khác và xem nỗi khổ của kẻ khác như nỗi khổ của chính mình.

Do đó, chúng ta nhận thấy không có quyền đem quân đi tàn-sát, giết hại một dân-tộc bé nhỏ, bất cứ vì một lý do nào. Tại sao ? Vì trên quả đất, không một dân-tộc hay tổ-quốc nào muốn phải tiêu diệt hẳn. Trái lại, chúng ta chỉ có quyền đem lại cho họ những gì văn-minh thuần-túy, hướng-dẫn họ để cùng nhau tiến đến hạnh-phúc và an-lạc. Thực hiện được tinh-thần « lợi tha » và « từ-bi » của Phật-giáo, chúng ta hy-vọng sẽ thành công dễ-dàng trong cuộc kiến-tạo hòa-bình hiện tại.

Đâu còn nữa, cảnh nhà tan cửa mất, súng nổ thây rơi, khi nhân-loại biết thương yêu nhau ?

Đâu còn nữa, những chiến-địa ngập-tràn máu lệ, khi nhân-loại đã cùng nhau thông - cảm được nỗi khổ ? Chúng ta hãy tin-tưởng vào nơi ta. Ích-kỷ hay lợi-tha, có lòng thương hay không thấy đều tại tâm mình.

Hòa-bình hay chiến-tranh thấy đều do con người tạo nên. Chiến-tranh đã do con người gây ra, thì kiến-tạo hòa-bình cũng không ngoài con người được. Chúng ta không thể hy-vọng, đợi chờ hòa-bình đến do vị thần nào ban, hay một cá - nhân nào mang lại. Thật vậy, hòa-bình sao được, khi bên ngoài thì hô-hào ca-tụng, nhưng bên trong con sâu độc « *tham* » mình chưa tiêu-diệt được. Muốn diệt cỏ cú ta gắng đào tận rễ, nếu chỉ phớt ngọn trên, làm sao cỏ khỏi mọc lại ? Như Bang - Siêu, tướng nhà Hán đuổi Hung-nô tận sào - huyết về đã nói : « Không vào hang cọp sao bắt được cọp con ».

Do đó, muốn « kiến-tạo hòa-bình » không gì hơn chúng ta tích-cực sống đúng với tinh-thần « lợi-tha » và thực - hành theo lòng « từ-bi » của Phật-giáo. Mỗi phần tử chúng ta là mỗi chiến - sĩ thiện - chiến, cương - quyết chiến - thắng đến phút cuối cùng con sâu độc « *tham* » ở trong tâm mỗi chúng ta. Có thể chúng ta mới hy-vọng hái được quả hòa-bình chân - thật, cùng nhau vui sống dưới ánh sáng hạnh-phúc an-lạc trường-tồn bất diệt.

Hãy cố gắng lên « chiến-thắng ngàn quân địch, không bằng chiến-thắng mình, tự chiến-thắng mình là chiến-công oanh-liệt nhất ».

XUÂN - BÌNH

Giới-luật

CÔNG - DỤNG CỦA LUẬT - NGHI

(Phỏng dịch Trung-Đẳng giáo-khoa)

Công-dụng của luật-nghi có rất nhiều nhưng không ngoài hai điều thiết-yếu là « đối-trị liệt-tình » để hoàn thành « thẳng-đức » và « điều-phục cá nhân » để hòa cùng đại-chúng.



I.— ĐỐI-TRỊ LIỆT-TÌNH ĐỂ HOÀN THÀNH THẲNG-ĐỨC

Trong thuyên-giáo thì tôn trọng tánh-đức, còn luật-nghi lại chú trọng tu-đức. Tuy vậy, tánh và tu không thể ly-khai nhau được, vì có tánh mà không tu, tánh ấy vẫn không do đâu rạng tỏ ; nhưng tu cũng nhờ tánh, mới có hiệu quả. Cho nên ở đây nói đối-trị liệt-tình để hoàn thành thẳng-đức là vậy.

Trị có nghĩa là mài, gọt, gạn lọc. Như nhờ mài gọt mà đá mòn, ngọc hiện, nhờ gạn lọc mà cát hết vàng bày. Nếu không gọt mài thì ngọc đá khó phân ; không gạn lọc thì cát vàng lẫn lộn. Cho nên cần phải gọt mài, gạn lọc mới có ngọc tốt, vàng tinh. Đối-trị liệt-tình để hoàn thành thẳng-đức cũng y như vậy.

Tất cả chúng sanh đều có thẳng-đức nhưng vì liệt-tình làm ô-nhiễm, ngăn che nên thẳng-đức sáng suốt ấy không hiện bày, cũng như vì đá cát mà vàng ngọc bị mai ă. Vì vậy người muốn thành thẳng-đức không thể cầu ở người khác mà chỉ đối-trị liệt-tình, phát-huy thẳng-đức ở nơi tự mình mà thôi.

Nhưng phát-huy bằng phương-pháp gì, nếu không phải nhờ luật-nghi ? Vì ba nghiệp được điều-luyện và chế-phục được mọi lỗi-làm ; cho

đến thiện-hạnh được thành-tựu và ái-nghiệp được tiêu trừ, cũng đều do công-dụng của luật-nghi cả. Cũng vì luật-nghi có công-dụng như thế, nên chữ luật-nghi có nghĩa là « điều » hay « thiện-trị » là vậy,

Lại nữa, chữ trị còn có hai nghĩa :

— Điều-trị tất cả các ác-nghiệp tạp-nhiễm và những phiền não hữu-phú vô-ký. . . Ngược lại, nếu di-thực thực là vô-phù vô-ký, thời không cần phải trị diệt mà phiền-não vẫn không sanh.

— Nhờ gột sạch cấu-uế, pháp tánh thanh-tịnh mới hiện bày. Thế, chao nên diệt hết ác là thiện sanh ; thiện sanh thì ác diệt.

Công-năng của hai pháp đối trị ấy tức là luật-nghi. Tại sao ? Vì khi thân khẩu thất chi (thân có ba, khẩu có bốn) thọ trì luật-nghi tức là đã huân thành một món vô - biến - giới thể (Giới thể ấy trong luận Duy-thức gọi là chủng-tử của tư tâm-sở. Lại do sức mạnh của chủng - tử ấy mà phát xuất luật-nghi hữu - biểu sắc). Trong công hạnh đối-trị ác pháp đề - dần dần tiến đến sự diệt tận gốc, hoàn - toàn nhờ công dụng của luật-nghi cả.

Luật - nghi có công dụng dứt ác làm lành nên cũng gọi là « phòng phi chi ác ». Nhờ luật-nghi đề-phòng mà nội tài (thanh-tịnh tâm) không mất, ngoại vật không thể xâm phạm. Nếu liệt-tĩnh dứt sạch là thắng-đức toàn hiện. Do đó, chúng sanh có thể bỏ di-thực liệt báo để tiến đến quả diệu-giác viên-minh.

Hơn nữa, trị nhiễm không có nghĩa « tạm phục » mà phải « vĩnh đoạn » mới có thể thành-tựu thắng đức tự tánh diệu thiện.

Căn cứ vào đây để quán sát, chúng ta thấy luật - nghi là động-cơ chính trong công việc chuyển phàm thành thánh. Còn thuyền-định là hàng rào bảo-vệ cho luật-nghi được kiên-cố ; và bát-nhã giúp luật-nghi quyết trạch sự trì-phạm. . . Nói cách khác là định - cộng - giới (thuyền - na) và đạo-cộng-giới (bát-nhã) vậy. Như thế thời định-huệ cũng có thể nhiếp thuộc vào luật-nghi.

Luật-nghi lại có nghĩa là diệt trừ và thành tựu. Nếu dựa vào hai phương-diện ấy mà quán sát, chúng ta có thể chia ra tích-cực và tiêu-cực.

Trọng tâm của luật-nghi ở điểm tích-cực (hoàn thành thắng-đức) nhưng muốn vậy trước hết cần phải trải qua giai-đoạn tiêu-trừ, trị-diệt (tiêu-cực) mới mong tiến đến kết quả. Hiện tại văn-hóa Tây-phương thường bài-bác phương-diện tiêu-cực. Họ bảo : « Nguyên tánh của chúng ta một khi phát-triển tức có thể đạt đến mục-đích cao - thượng, cần gì phải hãm mình trong giới hạnh ? Tuy vậy, nhưng Tây-phương không có một phương-pháp nào có thể đối-trị được liệt-tình, diệt-trừ được tạp-nhiễm một cách rốt - ráo. Và cũng không có một kết quả nào của họ có thể gọi là toàn thiện như Phật-giáo cả.

Còn Đông-phương thời chú trọng đến phương-diện dồi mài tinh thần đạo-đức, cho nên ở Đông-phương luôn luôn đối trị được lòng ước vọng thấp hèn. Nghĩa là họ chú trọng về phương-diện khắc trị tự thân. Nhưng phương-pháp duy nhất để đạt đến mục-đích cuối cùng thì chỉ có Phật-giáo mà thôi. Vì chúng ta thấy những phương-pháp trong Phật-giáo như là : hành-xã, trì-giới, nhẫn-nhục ... đều là những phương tiện điều-luyện thú tánh của con người một cách tinh-tế.

II.— ĐIỀU PHỤC CÁ-NHÂN ĐỂ HÒA CÙNG ĐẠI CHÚNG

Sau khi tự mình đã hoàn thành đạo quả vô-thượng Bồ-đề rồi, mới dùng nguyện-lực đại-bi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đó tức là tự-giác viên mãn của chư Phật. Còn có vị vừa cầu Phật-đạo vừa giáo hóa chúng sanh, lúc nào chúng sanh giác-ngộ thì quả vị của các Ngài cũng đồng thời cứu cánh, Đó là công - hạnh tự lợi, lợi tha của các hàng Bồ - tát.

Chí nguyện của Bồ-tát không phải chỉ muốn hoàn thành thắng-đức cho mình, mà còn muốn hoàn thành cho chúng sanh nữa. Nguyên do vì các Ngài xem thấy giữa mình và chúng sanh có sự tương-ứng mật thiết lẫn nhau. Động-cơ ấy đã thúc đẩy các Ngài phải « hòa quang đồng trần », nghĩa là các Ngài không thể tách mình ra ngoài đại chúng, mà phải tan hòa vào trong ấy để điều-hòa quần chúng, lợi ích muôn loài.

Chúng ta thấy vật nhỏ như vi-trần, lớn như vô-lượng thế-giới đều lấy sự điều-hòa làm tánh chung cùng của tất cả. Kinh Hoa-nghiêm gọi là

« Pháp-giới duyên-khởi » ; Mật-tôn gọi là « Mạn đà la » đều chỉ cho sự mật-thiết ảnh hưởng của bản-thể vũ-trụ ấy. Như thế là mỗi một sự vật trong pháp giới đều cùng với toàn thể pháp-giới có sự « hồ tương ảnh hưởng » cùng nhau. Cũng vì thế nên Bồ-tát quan-niệm mình, người và tất cả sự vật không hai. Tóm lại, các vị Bồ-tát trên cùng một từ-lực với mười phương chư Phật; dưới cùng một bi-ngưỡng với tất cả chúng sanh. Vì thế, nên các Ngài lấy sự điều-hòa quần-chúng làm mục phiêu, quần-chúng được điều-hòa tức là mình an-đôn.

Tuy vậy, nhưng nguyện-lực điều-hòa quần-chúng có rộng hẹp không đồng nhau.

Nếu đem cái lượng rộng lớn như hư-không pháp-giới để lợi ích chúng sanh thì đó là lối phát tâm của Bồ-tát. Còn nếu chỉ bảo-vệ sự an-ninh của quốc-gia xã-hội hoặc hẹp lại trong gia-đình mình thì đó là pháp-luật của thế-gian vậy.

Ngày nay phần đông người đời lấy cá nhân làm đơn-vị, rồi bỏ bỏ khuếch-trương quyền lợi cá-nhân. Do đó mà chiến-tranh tha-hồ phát khởi khắp hoàn-cầu. Ngược lại, dưới đôi mắt của Phật-giáo thì thấy giữa mình và người đều tương-quan sanh-khởi, tồn-tại, cho nên Phật-giáo luôn luôn chú trọng đến vấn-đề điều-phục cá-nhân. Một khi cá-nhân được điều-phục thời tự khắc giữa đại chúng để hòa-dung. Đó là diễm chung của Đông-phương, mà Phật-giáo là cứu cánh hơn cả. Giáo-pháp lục-hòa đã chứng-minh điều đó.



Giới-luật có hai công dụng như vậy, nên nếu nhân-loại đều thật-hành giới luật thì hai phương-diện ích mình lợi người lo gì không viên-mãn, hạnh phúc chung lo gì không được thật-hiện.

MINH-LIÊN

NGÀY BÁO HIẾU

Lễ Vu-Lan-Bồn nghĩa là giải mở sự thống-khò « giải đảo-huyền » mà cũng vì nghĩa ấy nên nước ta thường gọi ngày 15 tháng 7 là ngày « xá tội vong nhân ».

Lễ Vu-Lan-Bồn duyên-khởi do tâm-niệm báo hiếu của một vị đệ-tử Phật tên « Mục-Kiền-Liên ». Ngài Mục-Kiền-Liên nhờ tu hành chứng được đạo-nhân, nhìn thấy mẹ bị dọa-dày trong cảnh ngã-quỷ, chịu mọi điều cay đắng ; thấy vậy, Ngài vô cùng đau-dớn, nhưng không biết làm sao ? Liên đến bạch Phật đề cầu phương cứu-độ. Phật dạy : Mẹ người nghiệp-chướng nặng-nề, một mình người không thể cứu được, mặc dầu đạo lực cao dày. Chỉ có cách là cầu mười phương chúng Tăng thanh tịnh tu hành trong ba tháng hạ an-cư và ngày rằm tháng 7 là ngày xuất-hạ, cầu các vị ấy chú nguyện cho, mẹ người mới thoát được cuộc sống bị-đát ấy. Ngài Mục-Kiền-Liên vâng lời Phật dạy và quả nhiên mẹ Ngài được chuyển sanh lên thiện xứ.

Từ đấy, hàng năm cứ đến ngày rằm tháng 7 là lòng người Phật-tử rộn-rã lên những nỗi-niềm báo đáp ơn cha nghĩa mẹ. Người Phật-tử không những nhìn thấy công ân cha mẹ trong một đời mà nhìn thấy ân cha mẹ trong nhiều kiếp. Vì vậy quan-niệm chữ hiếu và cách báo hiếu của đức Phật, Phật-tử chúng ta hãy luôn luôn đề cao trong nhận thức và hoạt động của đời mình. Thì hôm nay chính là cơ-hội nhắc-nhở ta ôn lại quan niệm báo hiếu ấy. Nhưng muốn báo hiếu một cách hợp lý và hữu ích thì ngay trong giờ phút nghiêm trọng này, đứng trước hình-ảnh đức Từ-phụ, chúng ta hãy chí-thành suy xét tìm xem đời ta có ra từ đâu ? nhờ ai mà sống còn ? và đã có thì phải sống bằng cách nào, có nghĩa và hữu ích ?

Trước hết chúng ta hãy hiểu tổng quát về quan-niệm báo hiếu của đức Phật : Bằng vào sự trạng thực-tế Đức Phật cho ta biết đời ta sống còn được là nhờ rất nhiều sự giúp-đỡ chung quanh : Cha thì nuôi, mẹ thì đẻ, thầy dạy, bạn giúp, anh làm ruộng, chị quay tơ . . . cho chí con chó giữ nhà, con gà gáy sáng, con trâu cày ruộng, con ngựa kéo xe . . . Nhìn trước, ngó sau không nhiều thì ít, không một ai và vật gì mà ta không mang ân, nhất là ân cha mẹ hiện-tại. Trong khi nhắc đến công ân cha mẹ chúng ta hãy thành-kính đọc lại những câu kinh thấm nhuần đạo hiếu của người con đã tả nỗi đau khổ của bà mẹ trong lúc thai-sản :

- « Ở đời mẹ hiền chịu thai con.
- « Mười tháng cưu mang luôn chịu khổ.
- « Với năm dục-lạc tình không đắm »
- « Tùy thời ăn uống cũng chung đồng
- « Ngày đêm canh cảnh lòng thương xót ».
- « Đi đứng nằm ngồi chịu khổ đau.
- « Đến thời mãn nguyệt sinh con đại.
- « Đau lợ dao gươm cắt ruột gan.
- « Mê-mẩn đờng tây không phân biện
- « Khắp thân đau đớn khó nhần kham...

(Kinh Tâm địa quán)

Và những người dân quê nào đó, trong những phút rảnh-rời chạnh lòng nhớ đến mẹ cha, họ tha-thiết hát lên câu thơ :

Công cha như núi Thái-Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Hình như người dân quê mộc-mạc ấy đã thông-cảm với câu kinh đầy hương-vị hiếu-hạnh này trong Tâm-địa quán :

« Cha lành ơn cao như non Thái,
Mẹ hiền ân sâu như bể cả.
Nếu ta ở đời trong một kiếp
Nói ân mẹ hiền không thể xiết ».

Đọc xong những câu kinh thiết-tha ấy, đã là người, ai lại chẳng rung-dộng buồng tim lá phổi ?

Nhưng, với đạo lý tương quan tương duyên đức Phật còn dạy : « Trong hoàn-vũ không có một sự vật gì, dù đứng về phương - diện nào có thể đơn độc mà tồn-tại được ». Cho nên ngoài cái ân sâu nặng của cha mẹ, chúng ta còn thấy có ân xã-hội và ngoài ân xã-hội còn có ân của toàn-thể chúng-sanh nữa.

Lúc mới lọt lòng mẹ tất cả mọi người đều giống nhau trước thực-tế, hình thù một đứa bé trần-trường và ngây dại. Nhưng rồi khôn lớn, thành người, có chí khí, có tài-năng, bao nhiêu thứ ấy do đâu mà được ? nếu không phải là do những trợ duyên của mọi người quanh ta nói hẹp — và tất cả — nói rộng.

Ta đã sống trong đời này như thế thì cũng đã từng sống trong nhiều đời như thế... Nên mọi người không những là cha mẹ, ân - nhân của chúng ta trong đời này mà cũng đã và sẽ là trong nhiều kiếp nữa.

Nhưng biết như vậy để làm gì chứ không phải biết để mà biết, thì có khác nào kẻ tự bịt tai mà la hét ?

Bởi vậy, là người con của Đấng Đại-Giác, chúng ta phải luôn luôn nêu cao chủ-nghĩa « Tri ân, báo ân » trong hoạt-động của đời mình, đồng thời cũng nên đánh mạnh vào trí óc mọi người tư-tưởng cao-đẹp ấy.

Là Phật-tử, đừng bao giờ dùng oán để làm hại người, dù bằng thủ đoạn nào, hay hóa-trang dưới hình thức gì cũng thế, vì họ đều là người, dĩ là người tức có ân với ta. Mà trái lại, ta phải tu - tập tâm - niệm bình-đẳng, bằng cách báo hiếu cha mẹ, giúp-đỡ mọi người.

Vậy bổn phận của người Phật - tử phải tự mình đề cao quan-niệm « Hồ trợ sinh tồn » của Đấng Thế-Tôn dạy cho ai nấy đều hiểu và thực-hành theo ; hầu mong xây dựng một xã-hội lành mạnh mà trong đó mọi người đều nhìn thấy câu nói « chia cơm xẻ áo » là một luật dĩ-nhiên phải được phục-hồi chân giá-trị của nó.

Là Phật-tử, đừng bao giờ lăm-lạc mà quan-niệm lý-tưởng cuộc sống là « cạnh tranh ». Vì như thế là ta đã gián-tiếp giết chết thiện-chí đối với những ân-nhan của ta trong nhiều đời rồi đó. Người Phật-tử như vậy sẽ ăn nói thế nào với lịch-sử nhân-loại ngày mai ?

Tín-dồ là người con của Đức Đại-Hiểu chúng ta phải sáng - suốt mà công nhận rằng: Chỉ có quan-niệm báo hiếu của Đức Phật mới thay thế được cho những ý-tưởng cạnh tranh của lý-thuyết thế-gian, mới đưa con người tiến đến chân trời giải-thoát và giác-ngộ.

Chỉ có quan-niệm báo hiếu bình-đẳng ấy mới san-phẳng được những hố hằm đấu-tranh, thành-trì chia rẽ giữa muôn loài.

Và cũng chỉ có quan-niệm báo hiếu của Đức Đại-Giác mới làm cho mọi người sáng suốt, mà nhìn nhận mỗi giây thiêng-liêng đang thất-chật tình sống sâu đậm giữa muôn người.

Nhưng than ôi ! Con người hiện tại phần đông hình như họ không còn muốn sống với cuộc sống của mỗi con người. Họ thản-nhiên cấu-xé và dầy xéo trên hạnh-phúc muôn loài ; họ không biết hay cố tình làm ngơ trước nỗi khổ của đồng loại. Như thế, phải chăng họ là những con người vong ân bội nghĩa nhất ? Hơn bao giờ hết, chính trong giai-đoạn này, giai-đoạn mà mọi người đang găm-gù ,xâu-xé nhau vì bị lý-thuyết « sinh tồn cạnh tranh » đầu độc ; thì sứ mạng của người Phật-tử cũng không kém cấp-bách và quan trọng trong công việc tuyên-dương và hoạt-động tích-cực cho chủ-nghĩa « Hộ trợ sinh tồn ». Như thế là chúng ta đã hoàn thành trách-vụ một người con có hiếu đối với cha mẹ, một người sống hữu-ích cho mọi người.

Hôm nay trong ngày Lễ Vu-Lan — Ngày báo hiếu — chúng ta hãy noi gương Ngài Mục-Kiền-Liên cầu nguyện năng-lực chú nguyện của mười phương chúng Tánh, đề cho cha mẹ trong hiện-tại và nhiều đời của chúng ta được thoát khỏi cảnh đọa-dày, sinh về nơi Tịnh-lạc.

Và cũng đề gây cho mọi người một nhận-thức đúng-dắn và sâu xa theo quan-niệm báo hiếu của Đạo Phật. Có như thế, ngày Lễ Vu-Lan mới có ý-nghĩa, và không đi ngược lại ý-thức hệ của con người trong xã-hội ngày mai.

NAM-MÔ ĐẠI-HIỆU MỤC-KIÊN-LIÊN BỒ-TÁT

HỒNG - MAI

Tảo - Địa Cầm - Tác

Bụi trần che lấp chơn-như
Nay đem chổi tuệ quét trừ tập nơn
Ngửa trông chư Phật, Thiện-Thần
Hộ trì cho trẻ bỏ lần tham, sân
Lá ngã-nhân chuyên cần quét sạch
Cỏ ưu-phiền nhờ quách quăng xa
Vui chi trong cõi Ta-bà
Chẳng qua một giấc nam-kha rươ-màng
Mạng người chớp nhoáng sương tan
Như hoa sớm nở, tối tàn lâu chi ?
Chữ Từ-bi gắng ghi tắc dạ
Giữ cho tròn chớ khá lảng xao
Vun trồng cõi phúc cho cao
Ngó hầu đèn đáp biết bao lỗi-lầm
Chỉ đường nhờ đức cao thâm
Bến mê lặn-hụp nổi chìm tự ta
Miệng vẫn nói Ta-bà khờ-hải
Lòng vẫn theo chữ ái cho xinh
Ngần-ngờ mình tự buộc mình
Vây-vùng trong lưới tử sinh hoài hoài
Túi mình đức bạc nghiệp dày
Đạo mầu há dễ một ngày mà nên ?
Trước Phật tiền tâm hương một nén
Nguyện hương này khắp đến mười phương
Cúi xin Từ-phụ xót thương
Cho con thoát khỏi mọi đường ái-ân
Cửa thuyền gởi nhẹ tấm thân
Tuy trong đạm bạc, mà thần thành-thời

Sàn quét rồi lại ngồi nghỉ mát
Lá hết rồi, chồi gát lên cao
Một bầu không khí thanh tao
Trông ra vạn vật muôn màu tốt tươi
Ước chi nguyện được như lời
Thuyền-từ một chiếc thành-thời giữa giòng
Hỡi những ai ! còn trong bể khổ
Háy nương thuyền tế-độ mà qua
Sông mê vượt khỏi ái-hà
Lên bờ giải-thoát mới là an vui.

THÈ - QUÁN

Quán Tâm - Hải

Biển lòng rộng rãi khắp Đông Tây,
Dung cả quần-sanh chẳng thấy đầy.
Sóng thức ngừng xao trắng chiếu bóng,
Nguồn tâm đứng lặng nước lồng mây.
Bờ mê bến ngộ đều trông rõ,
Nẻo diệt đường sanh cũng thấy ngay.
Gay mái thuyền từ chèo đến bến,
Dọc ngang trời bể ấy tâm này.

Quán Không - Hải

Biển không bao phủ khắp trần hoàn,
Trống lặng dung hòa ánh nhật Quang
Núi nọ chập chồng nào thấy chập,
Biển kia lai láng vẫn không tràn
Đất dù rắn mặt xoi thành hố
Đá dẫu bền gan, đục hóa hang
Vạn vật rỗng thông, thường tự-tại
Tu-Di, giới-từ cũng ngang hàng.

Quán Tâm - Cảnh

Tâm cảnh ai sanh ? mình tự sanh.
Bởi mình vọng động tạo nên hình,
Tâm vì theo cảnh thành đau khổ,

Cảnh bởi tùy tâm thấy đỏ xanh
Chấp ngã, chấp nhờn, chấp thế-tục
Quán không, quán già, quán viên thành.
Ấy ai là kẻ tìm chân lý,
Tâm tịnh, tình tiêu, cảnh hiện thanh.

D. K.

Trước lư - trầm

Trời đất xưa nay vẫn một màu,
Nhân sinh muôn thuở vẫn buồn đau.
Đường đời chật hẹp, ôi ! chê-chán,
Cỏi đạo cao xa, ấy nguyện cầu.
Thoát hẳn ái-ân nơi tục-lụy,
Trau dồi tâm trí chốn thâm u
Lô vàng bát ngát hương tư tưởng,
Nhớ đức Từ-bi ý nhiệm màu.

Tu-sĩ GIÁC-VIÊN

Họa vãn

Trước đình trầm hương khói lạt màu
Mịt mờ nhân ảnh, khổ càng đau,
Say mùi đạo lý thêm lưu-luyến,
Chán vị trần gian chẳng ước cầu.
Cảm đức Từ-Tôn câu diệu pháp
Thương đời ác trược ngục âm-u
Yên lam nghi ngút tâm theo khói
Tìm thấy chơn-như tỏ pháp mầu.

HÀN - THƠ

BỨC TÂM THƯ

Thân gửi các bạn lạ và quen

Đây chính là lần đầu tiên tôi hân hoan được viết vào tập báo này tất cả những điều mà tôi muốn nói từ lâu với các bạn.

Tay tôi hơi run, vì sợ không biết những lời nông cạn của tôi sau này có thể làm thỏa mãn được phần nào ý thức các bạn, khi các bạn đã đọc qua. Lòng tôi quá buồn và cảm động khi nhận thấy tôi cũng như các bạn — lớp thanh-niên, thiếu-nữ — đang sống giữa thời ly-loạn, trên nét mặt không khỏi thoáng qua bao nỗi lo-âu, vương-vấn. Các bạn ạ! Ngày mai đây, đến tuổi thành niên, chúng ta phải làm gì cho gia-đình, xã-hội, tổ-quốc cùng nhân-loại? Thật vậy, tuổi thanh xuân là tuổi nguồn sống dồi dào, tuổi cần hoạt-động, giàu hy-sinh, nhiệt-thành và hăng hái. Chúng ta phải xem đời như bó hoa tươi nở, và mở rộng lòng thương để an-ủi và nâng đỡ những kẻ yếu hèn. Tuổi thanh xuân là tuổi cần phải ấp-ủ nơi lòng mình một « lý tưởng » cao cả, không phải là tuổi buồn chán hoặc chỉ biết hạnh-phúc an-nhàn của đời riêng mình.

Lý tưởng! Lý tưởng! Đây là chủ-đề cho tôi viết lá thư này.

Lý tưởng là cái quái gì? cần gì phải có lý tưởng, không có lý tưởng, con người không sống tiến-bộ được sao? Đây là câu mà tôi thường nghe phát ra đầu môi các bạn thanh-niên nam nữ, khi tôi đề-cập với họ vấn-đề lý tưởng.

Nhưng khổ thay! không có một lý tưởng để sống thì tương lai của mình biết sẽ ra thế nào? Vinh-quang, sáng-lạn hay đen-

ối mịt-mờ? Nếu không có một lý tưởng chân-chính, nhất định thì đời sống chúng ta sẽ dễ bị sa - ngã bèn lè đục - vọng. Kia, như chiếc thuyền không lái, bập-bành trôi trên dòng sông vô định không biết hướng chiều về đâu! Như trong rừng sâu, chàng khách tha - phương lạc bước, không kim chỉ nam, biết đâu là phương hướng, chàng phải lang thang vất-vưởng không tìm thấy nẻo về!

Các bạn ạ, lý tưởng rất cần thiết cho đời sống con người. Nhưng vấn - đề « **Chọn lý tưởng** » thì thật vô cùng khó-khăn. Tại sao? Vì giây đàn lên cao quá sẽ đứt, thấp quá không ra tiếng, chỉ vừa thì âm thanh mới có thể hay được.

Bởi thế, nên chúng ta cần phải chọn lý tưởng chân-chính hợp với lý trí, khả năng mình.

Ở trên đời, lý tưởng thì chán gì, từ hạng nghèo khổ cùng-cực như anh chàng đạp xích-lò kia, đến những con người giàu có, quý-phái nhất xã-hội, mỗi người đều có thể tự chọn cho mình một lý tưởng để sống cả. Và giờ đây, chúng ta biết chọn lý tưởng nào cho thích hợp nhỉ? Vấn-đề chọn lựa tôi xin nhường cho các bạn tùy ý riêng mình.

Song, các bạn có thích chăng? Ngày mai đây trên bước đường đời, các bạn sẽ có nhiều bí - quyết để thành công trong mọi việc. Các bạn sẽ không thấy mình bất lực trước những nỗi gian lao trở ngại do « đời » đưa lại. Đời các bạn sẽ không thấy buồn khổ khi phải nếm bao hương vị đắng cay, mà cuộc đời ngày mai sẽ sẵn - sàng ban tặng. Các bạn có muốn chăng? Khi lòng mình được ấp-ủ một tình thương bao la, tích - cực làm việc xây - dựng cho gia - đình, xã-hội tổ-quốc cùng nhân - loại. Tình thương vô - biên ấy, có lẽ các bạn đã rõ sẽ không tìm thấy ở một tôn-giáo hay chủ-nghĩa nào ngoài Phật-giáo.

Đến với đạo Phật, qua thuyết « nhân - quả » - trồng nhân gì

gặt quả ấy—các bạn sẽ xua đuổi được tất cả bao tư-tưởng chán buồn trong trí não, khi gặp bao nghịch cảnh bên ngoài chi phối. Dầu có phải sống trong hoàn cảnh khổ cực, nghèo-nàn, thiếu-thốn đến đâu, khi nhìn đến bao kẻ giàu sang, sống trên nhung lụa, hạnh phúc hơn mình, lòng các bạn cũng không cảm thấy buồn tủi cho cảnh ngộ, mà vẫn luôn tươi vui chan chứa hy-vọng ở sức mình, cố gắng xây đắp một ngày mai tươi sáng. Với tinh-thần lợi-tha cứu đời của Phật-giáo, các bạn sẽ là những nam, nữ cứu-thương để hàn gắn biết bao tâm-hồn đau khổ. Đời các bạn sẽ thấy sông rộng và có ý nghĩa hơn. Gia-đình các bạn không phải chỉ bung bít trong bốn bức tường chật hẹp, mà chính là cả một đại gia-đình bao trùm khắp toàn thể nhân loại.

Đều với đạo Phật, và thực hành theo đúng lời Phật dạy, lòng các bạn sẽ cảm thấy bao niềm an vui hòa-lạc. Biết bao lời dạy ngọc vàng quý giá của Đấng «Trí-giác», bao triết-lý cao siêu diệu-huyền, sẽ là như chiếc «thuyền từ» độc nhất đưa các bạn ra khỏi chốn lầy than, đến tối và đến cảnh giới trong lành an-lạc.

Các bạn hãy mở rộng lòng mình để đón mời những tâm hồn đau khổ đợi chờ.

Hãy thực hành đi, những nghĩa cử còn đợi chờ bao người đang khao-khát.

Bắt tay vào việc, lòng các bạn sẽ cảm thấy tràn đầy chân hạnh phúc.

Các bạn ạ, đến đây chắc các bạn tự rõ, nhận thấy: Nói chân theo dấu vết của đấng lành muôn thuở, phải chăng cũng là một «**Lý Tưởng**» vô cùng cao đẹp, ý nghĩa? Chỉ có thế thôi và tôi xin ngừng lại ở đây.

**Thân-ái chào các bạn
XUÂN - BÌNH**

*(Trích tập xanh — tiếng nói lớp
đệ Ngũ — Bồ-Đề — ra ngày 12-6-1954)*

Sự tích

ĐỨC XÁ-LỢI-PHẬT

(tiếp theo)

Đại-đức Sàriputta, hãy khai thị cho hàng cư-sĩ am-trường chính - lý. Thưa Đại-đức, các thiện-nam-tử phần nhiều không bị ô-nhiễm dục vọng. Họ chẳng may không được nghe chính-pháp đó thôi. Nhưng có một số sẽ am-trường chân-nghĩa.

Trong trường A-Hàm, Đại-đức Sàriputta cũng có giảng rất nhiều kinh, chẳng hạn như Sampasàdaniya, (số 28); Sangiti (số 33) và Dasuttara (số 34).

Trong Sampasàdaniya, Đại-đức Sàriputta tại thân đức hạnh của Phật. Giảng xong Phật khen ngợi như sau : « thật tuyệt-diệu, Sàriputta ! Những kẻ ngoại đạo nếu nghe được những bài giảng như thế này sẽ diệt trừ nghi-ngờ, quy y Phật, Pháp, Tăng.

Vài mẩu chuyện liên quan đến đời Ngài

Tập Dhammapada (Pháp-cú thí dụ). Jàtaka (Bổn sinh), Theràgatha (Trường-lão-ca) và các chú sớ khác thuật lại những mẩu chuyện rất lý thú có liên quan đến đời Ngài, phản chiếu những đức tính thuần-hảo, sáng chói.

Lòng kiên-nhẫn không bờ bến là một trong những đức tánh của Ngài, sự thực hành ấy đã lên đến cực độ làm cho Bà-la-môn có ý định thù Ngài. Một hôm Đại-đức Sàriputta dọc theo đường phố khát-thực, Bà-la-môn đó đứng sau lưng lấy tay dấm một dấm rất mạnh vào lưng.

« Cái gì thế ? » Đại-đức hỏi, không quay mặt trở lui, và tiếp tục đi.

Quá hối-hận vì hành động thô-tháo bất kính của mình, Bà-la-môn phủ-phục dưới chân Ngài và cầu xin sám-hối : « Bạch Đại-đức. Xin Ngài hãy tha thứ cho ! »

— Ngài nói thế là có ý gì ? Đại-dức hỏi.

— Con muốn thử lòng nhẫn-nhục của Đại-dức nên đã đánh vào lưng Ngài.

— Hay lắm ta tha tội cho người đó.

Không những tha-thứ, Đại-dức còn đến nhà Bà-la-môn khát-thực nữa.

Thấy một số tín-dồ đương quây chung quanh nhà Bà-la-môn muốn phá trại, trả thù, Đại-dức can-ngăn họ, bảo họ đi tản-mác chỗ khác vì Ngài đã tha lỗi rồi.

Dhammapada số thuật một chuyện khác tỏ lòng chịu đựng và nhũn-nhận của Ngài :

Một hôm Đại-dức Sàriputta rời khỏi tinh-xá đi có việc cần, chéo áo của Ngài vô ý chạm phải tai của một Tỷ-kheo nọ, vị này thường hay đố-ky, ganh-tị với Ngài, liền đến bạch Phật rằng :

« Kính bạch đức Thế-Tôn, chắc Đại-dức Sàripatta tự nghĩ : Ta là đại-đệ-tử nên đã đánh đệ-tử gần rách lỗ tai. Đã thế, người lại không xin lỗi, tiếp-tục đi khát-thực, không nói một lời.»

Đức Điều-Ngự mặc dầu rõ đầu đuôi câu chuyện, vẫn triệu Đại-dức Sàriputta lại hỏi thăm sự tình xảy ra. Đại-dức không những không thuật chuyện để tỏ ra rằng mình vô tội, lại tự ví mình giống như kẻ bỏ rơi ngoài xã-hội không giá-trị gì, chỉ là kẻ đi xin ăn giữa đường. Tỷ-kheo quá ân-hận, lương tâm cắn rứt, nên vội-vàng đánh lễ Phật, thú nhận là mình đã nói thêu-dệt. Phật gọi Sàriputta bảo người hãy tha thứ cho Tỷ-kheo. Không ngần ngại, người lập tức phủ-phục trước Tỷ-kheo chấp hai tay cung-kính nói :

— Kính bạch đức Thế-Tôn, đệ-tử xin hoàn-toàn tha lỗi vị này, và người cũng tha thứ cho đệ-tử nếu đệ-tử có làm điều gì bất mãn.

Chúng Tăng thấy hành động của Đại-dức Sàriputta như thế, tán-thán : « Hãy xem kia, chư đại huynh, xem đức tính nhã-nhận đẹp-đẽ tuyệt - diệu của Đại-dức Sàriputta. Người không có tâm hờn giận oán ghét vì Tỷ-kheo đã nói thêu-dệt. Trái lại, người quỳ lạy chấp tay cầu xin sám-hối.»

Một mẫu chuyện khác chép trong tập A-Hàm (Samyutta Nikaya) chỉ rõ đức tính phục - thiện, nhận lời khuyên bảo của kẻ khác một cách mau lẹ không ngần ngại và sửa đổi sai lầm của mình.

Một hôm vì tình cờ vô ý, người đẽ y mình trượt xuống lôi thối không gọn-ghẽ, ông Sa-di bảy tuổi trông thấy thưa :

— « Bạch Đại-đức nên chỉnh lý y-phục ».

Lập tức Ngài đi sang một bên, sửa y áo ngay ngắn, quay trở lại, hai tay chấp lên trán, thưa :

— « Đạo-sự, tôi đã chỉnh lý y-phục. Người đã thương tình chỉ bảo, thật hết sức quý.»

« Bất kỳ ai, Đại-đức Sàriputta tiếp, dù mới theo giới ngày ấy, hay là chỉ 7 tuổi khuyến bảo, tôi lập tức làm theo cung kính bái lãn.»

Người luôn luôn tự nhiên giữ - gìn giới phạm. Bất kỳ đi đâu Ngài cũng không quên quét dọn chỗ ở của mình, đồ đầy nước, dọn dẹp pháp-tọa có ngăn nắp, lấy chìa khóa, xong lần lượt đi khát-thực.

Luận Visuddhi Magga (Thanh-tịnh-đạo luận) thuật lại câu chuyện rất hay, tỏ rõ tâm sợ phá giới chính mạng nên người đã không nhận một thức vật dụng nợ, vật dụng mà thầy thuốc bảo đề chữa khỏi bệnh người mắc phải. Một hôm Đại-đức Sàriputta đau bụng rất dữ dội, Đại-đức Moggallana ngồi bên cạnh giường săn-sóc và hỏi thăm trước kia thân mẫu người dùng thuốc gì để chữa bệnh khi người còn làm cư - sĩ.

— « Mật với đẽ-hồ » Đại-đức đáp.

Một thiên-thần nợ nghe được, hóa làm cư-sĩ sửa soạn vật thực ấy và khi Đại - đức Moggallana đi khát - thực, thiên - thần đem cúng dường. Moggallana nhận và đem về biểu Sàriputta. Người dùng đạo-nhân nhận thấy vật thực ấy do thiên-thần làm ra, từ chối không nhận, sợ phạm luật chính mạng, vì do lời nói của người đẽ - xuong nên mới có món cúng dường ấy, bèn nói Đại-đức Moggallana đồ đi :

« Dù ruột gan của tôi có tung ra,

Tôi không bao giờ phạm luật chính mạng.»

(còn nữa)

PHẬT - GIÁO

1.— **CỰC-LẠC** : **Cực** : Cùng cực, vô cùng. **Lạc** : an-vui, tự-tại. Cực-lạc là cảnh giới « Quốc độ » của đức Phật A-Di-Đà, nơi hoàn-toàn an-vui thanh-tĩnh. Ngược với Cực-lạc tức Ta-bà là cảnh giới đầy mọi nỗi thương đau mà chúng ta đang ở đây.

2.— **Y-BÁO** : **Y** : Nương tựa. **Báo** : quả-báo. Chỉ cho Quốc-độ và hoàn-cảnh chúng ta hiện ở như : Thế-giới Cực-lạc là Y-báo của đức Phật A - Di - Đà. Cõi Ta-bà là Y-báo của chúng trong tam giới.

3.— **CHÁNH-BÁO** : Quả báo chính, như thân mạng của chúng ta hay thân mạng của mọi loài.

4.— **NIẾT-BÀN — NÊ-HOÀN** : Tiếng Phạm nói cho đủ là **Niết-bàn-na**. Tàu dịch có ba nghĩa : **Viên-tịch**, **Tịch-diệt**, **Diệt-độ**. **Viên** : đầy-dủ, viên - mãn. **Tịch** : vắng - lặng. Là cảnh giới của những người đầy-dủ mọi công - đức, trí-tuệ, đã diệt sanh phiền-não mê-mờ. Cảnh giới ấy hoàn-toàn an-vui tịch-tĩnh, không còn bị mọi vật chi-phối, xao-dộng. Còn **Tịch-diệt** và **Diệt-độ** cũng đều có nghĩa như thế.

5.— **HỮU-LẬU, VÔ-LẬU** : **Hữu** : Còn, có. **Lậu** : Rơi-rớt, lọt. Nghĩa là còn bị rơi vào trong vòng luân-hồi, sống chết của ba cõi. **Vô-lậu** và trái lại nghĩa trên.

6.— **NGHIỆP-LỰC** : **Nghiệp** : Động tác, thành thói quen. **Lực** : năng - lực, sức mạnh. Nghiệp - lực là những hành

động hoặc ác hay thiện do thân, khẩu, ý tạo-tác đã thành thói quen, có sức mạnh lôi cuốn chúng ta không thể gì thoát khỏi được, nếu ta không đủ sức chống lại.

7.— **NGUYỆN-LỰC** : **Nguyện** : Mong muốn, cầu - nguyện. Chỉ cho những vị Tu - hành luôn luôn chí thành mong muốn, cầu-nguyện đạt đến mục-đích, quả-vị, mà mình đã hành động. Nhờ năng-lực thế-nguyện ấy mà sự mong muốn của mình được thỏa-mãn, nên gọi là nguyện-lực. Các vị Bồ-tát phát đại nguyện vào sanh ra tử để hóa - độ chúng - sanh, mà không bị hoàn cảnh của chúng - sanh chi - phối, đó là nhờ sức mạnh của nguyện-lực ấy.

8.— **HOA-BÁO** : Nghiệp báo sắp kết quả.

9.— **QUẢ-BÁO** : Nghiệp báo đã đến giai đoạn kết quả.

10.— **DƯ-BÁO** : Dư lực của nghiệp báo.

Ví - dụ : Anh A ăn trộm bị bắt bỏ tù là (quả báo). Những sự hành phạt như : bị tai, đá, trói... trước lúc mới bị bắt là (hoa-báo). Sau khi ở tù về anh A bị tật - nguyên hoặc còn tình nghi bắt giam lại đó là (Dư-báo).

11.— **VU-LAN-BỒN** : Tâu dịch : **Giải-đảo-huyền**, ý nói cha mẹ đã quá vãng bị những sự thống khổ trong đường ngạ - quỷ, người có lòng hiếu hạnh dùng các vật dụng cúng dường chúng Tăng trong ngày tự-tứ, để cầu sức chú - nguyện của mười phương Tăng cho cha mẹ được thoát khỏi cảnh giới thống khổ ấy. Cũng ví như người đang bị treo ngược mà nay được mở xuống.

THÍCH-CHÁNH-LẠC

TIN TỨC PHẬT - GIÁO

Phật - tử Bengal ở Bombay

Tại Bombay có buổi họp của các Phật-tử Bengal tại chùa Ananda Vihara, Nair Hospital vào ngày 12 tháng 10 do đại-đức H. Dhammananda làm chủ-tọa. Phiên họp quyết định rằng ít nhất một tháng một lần vào ngày rằm các Phật-tử Bengal phải đến chùa họp để cúng dường hoa và nghe pháp cùng làm những điều lợi ích khác.

Bác - sĩ Ambedkar quy - y Phật

Bác-sĩ Ambedkar Cựu Tổng-trưởng Hình-luật Ấn-Độ và là nhà lãnh-đạo của tỉnh Harijans tại Maharashtra, vừa mới quy-y Phật hy vọng sẽ ủng-hộ Phật-giáo, phục hưng tinh-thần vô-thượng.

Bác-sĩ tru-định lập một trường học Phật tại Bangalore và hiện nay đã được Ông Maharaja xứ Mysore cúng đất. Miếng đất ấy nằm giữa Ấn-Độ Khoa-học và Raman Viện do ông Raman thành lập. Trường này sẽ hoàn thành trong vòng hai năm và hy vọng sẽ mời các Thầy từ Trung-Hoa, Nhật-Bản, Diển-Điện, Mỹ v.v... đến dạy. Bác-sĩ cũng mong rằng sau đó trường này sẽ trở thành một Đại-học-đường và dạy đủ các tôn-giáo khác, vì theo Bác-sĩ người ta không thể hiểu rõ đạo Phật nếu không đem so sánh với các tôn-giáo khác.

Bên cạnh trường sẽ dựng nhà in để dùng in những kinh sách dịch ra chữ Anh, một thư-viện về sách tôn-giáo và triết-học, những điện thờ Phật, lớp học, nơi cư-trú cho giáo-sư và

học-sinh. Bác-sĩ kêu gọi tất cả các Phật-tử hảo-tâm hãy giúp đỡ công việc này. Hiện nay đã có Điện-Điện và các nước khác giúp đỡ.

Hôm 30 tháng chạp vừa rồi Thống-Chế Tito đến kính thăm chùa Mulagandhakuti Vihara tại Saranath. Thống-Chế được Đại-đức Sasanasiri, Đại-đức M. Sangharatana và các vị Tăng khác tiếp đón. Thống-chế rất chú-ý đến những bức tranh họa về sự-tích Phật. Sau khi ra về Thống-Chế tỏ lòng cảm ơn sự tiếp đón nồng-hậu và rất hoan-hỷ nhận những kinh sách Hội tặng cho Thống-Chế.

LỄ THỌ - GIỚI

Một thiếu-niên Tích-Lan và bảy thiếu-nữ Trung - Hoa vừa làm lễ thọ-giới Sa-di tại Chùa Kuala Lumpur, Mã-lai. Cũng tại chùa này trong vòng ba tháng có 5 người Anh đến thọ giáo quy-y Phật, hiện nay họ đang chăm lo học Pali do sự điều-dắt của Đại-đức Dhammananda. Chúng tôi thành thật hy vọng họ gặp được nhiều may-mắn trên con đường tìm chân-lý.

Phái-đoàn Phật-tử Thái-Lan đi thăm Ấn-độ

Phái-đoàn Phật-tử Thái-Lan gồm có 15 người vừa đến Ấn-Độ để viếng thăm chiêm-bái những thắng cảnh. Phái-đoàn cũng dành nhiều thì giờ để thăm Phật-tích tại Điện-Điện.

Phái-đoàn ngoài những công việc Phật - sự thường xuyên hiện nay đang gom góp tài-liệu để viết một bộ Bách-khoa Tự-điền (Encyclopaedia) về những danh-từ riêng và danh-từ chuyên môn Phật-giáo.

Hội Phật-học tại New South Wales (Úc-châu).

Hội Phật-giáo New South Wales thành lập được hơn hai năm nay với số hội-viên ban đầu là 80 người, nay số hội-viên càng ngày càng đông. Hội-viên đủ các hạng người : người Áo,

người Hòa - Lan, người Hung - Gia - Lợi, người Pháp, người Đức, người Nga và người Anh, họ là những người nhiệt thành học hỏi Phật-giáo.

Hội mỗi tháng họp hai kỳ:

Kỳ thứ nhất dành cho các hội-viên chuyên học tập bàn luận Phật-lý. Ban này thường thường hân - hạnh được gặp những Tăng-sĩ hoặc các nhà học-giả uyên-thâm Phật-lý đến giảng-giải.

Kỳ họp thứ hai nhằm vào ngày trăng tròn để làm lễ cầu an, cầu siêu, khánh đản và lễ, tụng. Trong buổi lễ này cũng có đọc kệ Ngũ giới và tham thuyên.

Hội có ra một tờ báo tên là «The Buddhist News» (Tin-tức Phật-giáo) dưới ngòi bút của ông Hội-trưởng, ông Leo Berkely. Theo cả tiểu - thừa và đại - thừa, nhưng số theo tiểu-thừa nhiều hơn và hiện nay dưới sự bảo trợ của Lãnh-sự Điện-điện, ông Sain Bwa.

Người có công đầu tiên cho Hội này là Ni-cô Dharmadinna, một Ni-cô người Mỹ, Ni-cô đến thăm Úc-châu vào năm 1952, nhờ có sự hướng dẫn chỉ bảo của Ni-cô nên Hội mới có được những kết quả như ngày nay.

Năm rồi chúng tôi hân hạnh được tiếp đón Đại-đức Saya-daw U. Thittila, giáo-sư trường Đại-học Rangoon. Người đến thăm Sydney và Melbourne, giảng giải chính lý của Phật cho Hội - viên nghe.

Sau đó sẽ có Đại-đức Narada đến thăm và giảng giải, Chúng tôi hy vọng sẽ được làm quen với những Phật - tử gần xa trên thế - giới.

*Địa - chỉ của chúng tôi : The Buddhist Society of N.S.W.
159, Oxford Street, N.S.W., AUSTRALIA*